



Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN
DN: C=VN, S=NGHỆ AN, L=Thành phố
Vinh, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC -
VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
2900491298
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025-03-28 16:56:43
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 39
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>6 – 9</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2024</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2024</i>	<i>11 – 12</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024</i>	<i>13 – 39</i>

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900491298, cấp ngày 30 tháng 01 năm 2002 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 13 lần được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 10 tháng 10 năm 2024.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 13 là 60.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2024 là 60.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Mã số thuế : 2900491298

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 39).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Thắng	Chủ tịch HĐQT
Ông Lang Văn Hiệu	Thành viên HĐQT
Bà Phan Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đặng Thị Hương Lan	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên ban Kiểm soát

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Công Quế	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04/03/2025
Ông Trần Công Vinh	Phó Giám đốc phụ trách	Bổ nhiệm ngày 04/03/2025

Kế toán

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Lê Thị Thúy Hồng	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 17/05/2024
Bà Hoàng Thị Thanh Trà	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 17/05/2024
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phụ trách kế toán	Miễn nhiệm ngày 28/10/2024
		Bổ nhiệm ngày 28/10/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 cho Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Giám đốc

Phó Giám đốc phụ trách



Trần Công Vinh

Số : 3112.01/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024

Kính gửi : Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An, được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025 từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (“AISC”) với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, Ngày 27 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2023-124-1

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNTK số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.900.423.361	86.130.372.571
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.177.682.808	12.668.424.826
1. Tiền	111		5.177.682.808	10.668.424.826
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.660.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	2.660.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.929.551.948	36.434.619.894
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	31.597.192.947	32.711.621.065
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.497.726.906	3.806.967.119
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.344.380.663	1.190.775.456
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.509.748.568)	(1.274.743.746)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		24.484.554.411	33.239.895.418
1. Hàng tồn kho	141	V.7	24.622.253.897	33.497.301.691
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(137.699.486)	(257.406.273)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		308.634.194	1.127.432.433
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	114.683.213	242.322.069
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		178.101.778	179.806.236
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	15.849.203	705.304.128
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		51.214.778.925	50.102.196.524
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.356.754.980	3.361.887.490
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.186.221.674	3.092.574.174
Nguyên giá	222		50.086.017.890	49.639.083.631
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.899.796.216)	(46.546.509.457)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	170.533.306	269.313.316
Nguyên giá	228		587.553.000	587.553.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(417.019.694)	(318.239.684)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	47.344.399.991	45.379.211.908
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		47.344.399.991	45.379.211.908
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.513.623.954	1.361.097.126
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.513.623.954	1.361.097.126
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		125.115.202.286	136.232.569.095

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		36.716.246.717	43.937.667.352
I. Nợ ngắn hạn	310		32.993.810.519	39.390.242.844
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	28.825.228.011	29.273.760.438
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	70.543.869	118.360.869
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	773.012.243	758.042.149
4. Phải trả người lao động	314		1.116.669.912	1.306.769.405
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.413.398.695	2.396.494.234
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	45.881.798	137.612.632
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	747.292.534	823.593.009
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	-	4.560.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.783.457	15.610.108
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.722.436.198	4.547.424.508
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	3.441.436.198	4.266.424.508
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	281.000.000	281.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		88.398.955.569	92.294.901.743
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	88.398.955.569	92.294.901.743
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		423.999.999	423.999.999
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.420.072.754	17.815.430.103
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.554.882.816	14.055.471.641
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.208.971.929	11.636.901.036
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.345.910.887	2.418.570.605
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		125.115.202.286	136.232.569.095

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Phó Giám đốc phụ trách



Nguyễn Thị Thu Thảo

Nguyễn Thị Hiền

Trần Công Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	172.557.725.154	196.249.577.812
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	422.934.928	836.716.960
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		172.134.790.226	195.412.860.852
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	130.997.996.402	153.315.646.369
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.136.793.824	42.097.214.483
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	360.604.768	1.230.392.714
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	163.540.358	45.265.871
Trong đó: chi phí lãi vay	23		27.184.932	4.320.000
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	20.543.885.078	22.756.278.317
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	17.434.351.825	17.289.698.212
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.355.621.331	3.236.364.797
11. Thu nhập khác	31	VI.8	194.698.500	24.620.335
12. Chi phí khác	32	VI.9	330.177.939	184.992.654
13. Lợi nhuận khác	40		(135.479.439)	(160.372.319)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.220.141.892	3.075.992.478
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	874.231.005	657.421.873
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.345.910.887	2.418.570.605
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	351,89	362,79
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	351,89	362,79

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Thu Thảo

Nguyễn Thị Hiền



Phó Giám đốc phụ trách

Trần Công Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.220.141.892	3.075.992.478
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.452.066.769	1.723.160.580
- Các khoản dự phòng	03	115.298.035	173.588.310
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.188.700)	(2.592.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(214.328.402)	(679.477.865)
- Chi phí lãi vay	06	27.184.932	4.320.000
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.597.174.526	4.294.991.503
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	184.598.872	(8.044.258.685)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.875.047.794	5.497.620.144
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.818.225.693)	5.662.799.210
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(24.887.972)	(182.882.313)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(27.184.932)	(4.320.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(725.259.296)	(1.556.326.382)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(255.683.712)	(793.620.858)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.805.579.587	4.874.002.619
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.605.609.558)	(3.156.559.937)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(12.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.660.000.000	23.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	184.439.253	814.615.619
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	238.829.695	8.758.055.682

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	4.500.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.560.000.000)	(9.700.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.978.340.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.538.340.000)	(5.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(493.930.718)	8.432.058.301
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	12.668.424.826	4.233.774.525
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.188.700	2.592.000
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	12.177.682.808	12.668.424.826

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Thảo

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hiền

Lập, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Phó Giám đốc phụ trách



Trần Công Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900491298, cấp ngày 30 tháng 01 năm 2002 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 13 lần được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, thay đổi vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 10 tháng 10 năm 2024.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 13 là 60.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2024 là 60.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Mã số thuế : 2 9 0 0 4 9 1 2 9 8

2. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

3. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

4. Ngành nghề kinh doanh :

Sản xuất thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, hóa dược, dược liệu, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, chế biến dược liệu

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Dược phẩm GMP-WHO	Số 68, đường Nguyễn Sỹ Sách, TP. Vinh, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm TP Vinh	Số 16, đường Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Công ty Dược Vật tư – Y tế Nghệ An tại Hà Nội	Số 12, đường Láng, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Anh Sơn	Thị trấn Anh Sơn, H. Anh Sơn, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Con Cuông	Thị trấn Con Cuông, H. Con Cuông, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Diễn Châu	Thị trấn Diễn Châu, H. Diễn Châu, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Dược phẩm huyện Đô Lương	Thị trấn Đô Lương, H. Đô Lương, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Hưng Nguyên	Thị trấn Hưng Nguyên, H. Hưng Nguyên, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Quỳnh Châu	Thị trấn Quỳnh Châu, H. Quỳnh Châu, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Kỳ Sơn	Thị trấn Kỳ Sơn, H. Kỳ Sơn, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Nam Đàn	Thị trấn Nam Đàn, H. Nam Đàn, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Nghĩa Đàn	Khối Tân Tiến, P. Hòa Hiếu, TX. Thái Hòa, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Quế Phong	Thị trấn Quế Phong, H. Quế Phong, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Quỳnh Lưu	Thị trấn Cầu Giát, H. Quỳnh Lưu, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Quỳnh Hợp	Thị trấn Quỳnh Hợp, H. Quỳnh Hợp, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Tân Kỳ	Thị trấn Tân Kỳ, H. Tân Kỳ, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Thanh Chương	Thị trấn Dũng, H. Thanh Chương, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, H. Tương Dương, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng
Chi nhánh Dược phẩm huyện Yên Thành	Thị trấn Yên Thành, H. Yên Thành, Nghệ An	Kinh doanh thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023.

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 517 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 596 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán: căn cứ vào thời gian quá hạn để trích lập dự phòng. Cụ thể như sau:
 - Đối với công nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 01 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%.
 - Đối với công nợ quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 50%.
 - Đối với công nợ quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 70%.
 - Đối với công nợ quá hạn trên 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính và các yếu tố chi phí khác được phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 10 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty là doanh thu ghi nhận trước của tiền cho thuê kho,

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

20. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	699.271.671	806.731.253
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.478.411.137	9.861.693.573
Các khoản tương đương tiền (1)	7.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	12.177.682.808	12.668.424.826

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Nghệ An có thời hạn 03 tháng với lãi suất từ 3,55% - 4%/năm

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>	-	-	2.660.000.000	2.660.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.660.000.000	2.660.000.000
Cộng	-	-	2.660.000.000	2.660.000.000

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>31.597.192.947</i>	<i>(1.270.841.121)</i>	<i>32.711.621.065</i>	<i>(1.059.811.978)</i>
Bệnh viện Ung Bướu - Nghệ An	1.859.682.636	(58.185.236)	3.087.976.536	-
Bệnh viện Đa khoa TP Vinh	1.282.450.128	-	2.257.846.128	(24.460.394)
Công ty TNHH Dược Phẩm Đa Phúc	8.146.344.994	-	2.129.937.495	-
Bệnh viện Đa khoa Diễn Châu	272.433.652	-	1.576.288.412	-
Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Lưu	585.055.755	(2.719.037)	1.299.299.674	-
Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa Nghệ An	664.120.866	(83.416.246)	1.143.017.406	-
Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Châu	40.492.440	(2.882.200)	1.074.273.621	-
Bệnh viện Nội tiết Nghệ An	88.406.600	-	1.012.103.210	-
Công ty TNHH Thương Mại Nguyệt SALA	1.494.634.344	-	247.631.202	-
Các khách hàng khác tại Văn phòng	14.226.398.628	(1.123.638.402)	15.220.909.392	(1.035.351.584)
Các khách hàng khác tại Chi nhánh	2.937.172.904	-	3.662.337.989	-
Cộng	31.597.192.947	(1.270.841.121)	32.711.621.065	(1.059.811.978)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	5.497.726.906	3.806.967.119
SINOBRIGHT PHARMA CO.,LTD	1.200.460.800	2.713.494.000
Công ty Cổ phần Quản lý dự án và Phát triển Công nghệ G.A.T	426.699.000	426.699.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Xây dựng INTECH	-	300.000.000
Công ty TNHH thương mại và Xây dựng Công Nghệ Hà Bắc	201.600.006	201.600.006
ZHEJIANG XIANJU PHARMACEUTICAL CO., LTD	2.651.480.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng T&B	48.745.500	-
Các khách hàng khác	968.741.600	165.174.113
Cộng	5.497.726.906	3.806.967.119

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.344.380.663	(238.907.447)	1.190.775.456	(214.931.768)
Tạm ứng	307.283.939	-	542.614.715	-
Tiền lãi tiền gửi ngân hàng	44.131.780	-	14.242.631	-
Ký cược, ký quỹ	672.298.764	-	69.424.124	-
Phải thu tiền BHXH, KPCĐ	43.928.500	-	183.557.238	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	276.737.680	(238.907.447)	380.936.748	(214.931.768)
Cộng	1.344.380.663	(238.907.447)	1.190.775.456	(214.931.768)

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu tiền bán hàng		1.594.422.757	(1.270.841.121)		1.447.825.650	(1.059.811.978)
<i>Bệnh viện đa khoa TP Vinh</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>19.636.368</i>	<i>-</i>	<i>Từ 6 tháng đến 1 năm</i>	<i>81.534.648</i>	<i>(24.460.394)</i>
<i>Trung tâm y tế huyện Quỳnh Hợp</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>47.796.007</i>	<i>(47.796.007)</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>179.442.408</i>	<i>(86.198.459)</i>
<i>Trung tâm y tế thị xã Hoàng Mai</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>135.506.054</i>	<i>(135.337.304)</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>148.736.554</i>	<i>(139.081.454)</i>
<i>Phòng khám đa khoa Hồng Tùng - Công ty TNHH Y tế Dược phẩm Bách Khoa-</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>232.748.788</i>	<i>(232.748.788)</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>232.748.788</i>	<i>(232.748.788)</i>
<i>Công ty TNHH Dược vật tư y tế Từ 1 năm đến 2 Phúc Đức</i>	<i>năm</i>	<i>10.432.531</i>	<i>(5.216.266)</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khách hàng khác</i>		<i>1.148.303.009</i>	<i>(849.742.756)</i>		<i>805.363.252</i>	<i>(577.322.883)</i>
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		238.907.447	(238.907.447)		231.455.617	(214.931.768)
Cộng		1.833.330.204	(1.509.748.568)		1.679.281.267	(1.274.743.746)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(1.274.743.746)	-	(1.274.743.746)
Trích lập dự phòng bổ sung	(397.363.602)	-	(397.363.602)
Hoàn nhập dự phòng	162.358.780	-	162.358.780
Số cuối năm	<u>(1.509.748.568)</u>	<u>-</u>	<u>(1.509.748.568)</u>

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.847.479.554	-	7.445.888.744	-
Công cụ, dụng cụ	244.603.807	-	250.667.960	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	404.154.546	-
Thành phẩm	7.073.945.626	(1.763.546)	11.583.312.597	(51.866.060)
Hàng hóa	10.456.224.910	(135.935.940)	13.813.277.844	(205.540.213)
Cộng	24.622.253.897	(137.699.486)	33.497.301.691	(257.406.273)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(257.406.273)	(239.313.751)
Trích lập dự phòng bổ sung	(137.699.486)	(420.828.367)
Hoàn nhập dự phòng	257.406.273	402.735.845
Số cuối năm	(137.699.486)	(257.406.273)

8. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	23.431.903	70.570.786
Chi phí bảo hiểm	10.713.146	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	80.538.164	171.751.283
Cộng	114.683.213	242.322.069

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	761.676.060	217.402.057
Các chi phí trả trước dài hạn khác	751.947.894	1.143.695.069
Cộng	1.513.623.954	1.361.097.126

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.269.121.523	18.957.120.940	3.413.977.738	998.863.430	49.639.083.631
Mua trong năm	446.934.259	-	-	-	446.934.259
Số cuối năm	26.716.055.782	18.957.120.940	3.413.977.738	998.863.430	50.086.017.890
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.118.233.638	17.083.157.310	2.921.559.556	998.863.430	30.985.702.465
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	24.730.543.755	18.127.663.749	2.689.438.523	998.863.430	46.546.509.457
Khấu hao trong năm	901.160.399	399.884.090	61.552.272	-	1.362.596.761
Phân loại lại HMLK	(524.187.717)	20.196.972	503.990.745	-	-
Phân loại HMLK sang TSCĐ VH	(9.310.002)	-	-	-	(9.310.002)
Số cuối năm	25.098.206.435	18.547.744.811	3.254.981.540	998.863.430	47.899.796.216
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.538.577.768	829.457.191	724.539.215	-	3.092.574.174
Số cuối năm	1.617.849.347	409.376.129	158.996.198	-	2.186.221.674

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	45.000.000	542.553.000	587.553.000
Số cuối năm	45.000.000	542.553.000	587.553.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	40.953.000	40.953.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	318.239.684	318.239.684
Khấu hao trong năm	-	89.470.008	89.470.008
Phân loại HMLK từ TSCĐ HH	-	9.310.002	9.310.002
Số cuối năm	-	417.019.694	417.019.694
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	45.000.000	224.313.316	269.313.316
Số cuối năm	45.000.000	125.533.306	170.533.306

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	45.379.211.908	1.965.188.083	-	47.344.399.991
Dự án nhà máy sản xuất dược phẩm tại KCN Bắc Vinh	44.191.913.484	1.830.978.868	-	46.022.892.352
Dự án nhà máy đóng dược số 68 Nguyễn Sỹ Sách	1.187.298.424	134.209.215	-	1.321.507.639
Cộng	45.379.211.908	1.965.188.083	-	47.344.399.991

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	28.825.228.011	29.273.760.438
Công ty Cổ phần TABIPHAR Việt Nam	492.193.065	3.007.439.175
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh tại Nghệ An	287.711.897	2.365.492.409
CN Công ty Cổ phần Dược DANAPHA tại Thanh Hoá	1.825.905.615	1.953.020.669
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC 1	1.121.019.185	1.814.142.500
Công ty Cổ phần Dược phẩm VINACARE	1.186.756.520	1.594.781.900
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha Vinh	2.824.703.890	1.555.535.500
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đại Thành	-	1.446.134.953
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung ương Codupha	-	1.414.974.172
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	806.742.215	1.231.658.895
Công ty TNHH Thương mại Dược Mỹ Phẩm Thanh Bình	2.343.261.138	139.775.850
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	1.855.723.620	551.092.006
Các nhà cung cấp khác tại Văn phòng	16.077.945.866	12.138.530.174
Các nhà cung cấp khác tại chi nhánh	3.265.000	61.182.235
Cộng	28.825.228.011	29.273.760.438

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	70.543.869	118.360.869
Công ty TNHH Công Nghệ Dược Minh An	-	69.417.602
Công ty TNHH SAMBATH SERY VATTANAC	42.805.000	-
Các khách hàng khác tại văn phòng	3.083.002	12.527.742
Các khách hàng khác	24.655.867	36.415.525
Cộng	70.543.869	118.360.869

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	145.729.037	-	1.837.868.024	(1.999.373.710)	-	15.776.649
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	1.519.896.988	(1.519.896.988)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	592.752.285	-	874.231.005	(725.259.296)	741.723.994	-
Thuế thu nhập cá nhân	19.560.827	-	296.650.301	(284.922.879)	31.288.249	-
Tiền thuê đất	-	705.304.128	2.839.925.441	(2.134.621.313)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	147.008.520	(147.081.074)	-	72.554
Cộng	758.042.149	705.304.128	7.515.580.279	(6.811.155.260)	773.012.243	15.849.203

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất cho từng lĩnh vực khác nhau, cụ thể:

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng thuốc chữa bệnh

5%

Thuế suất cho hàng tiêu thụ trong nước

8%, 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.10

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.413.398.695</i>	<i>2.396.494.234</i>
Chi phí lương nhân viên	570.393.557	623.502.220
Chi phí vận chuyển hỗ trợ bán hàng	59.584.278	111.309.273
Chi phí khen thưởng	-	203.200.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	783.420.860	1.458.482.741
Cộng	1.413.398.695	2.396.494.234

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>45.881.798</i>	<i>137.612.632</i>
Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định, bất động sản đầu tư	45.881.798	137.612.632
Cộng	45.881.798	137.612.632

17. Phải trả khác**a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>747.292.534</i>	<i>823.593.009</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	4.549.153	2.062.373
Kinh phí công đoàn	47.338.364	96.651.520
Bảo hiểm y tế	-	110.809.050
Bảo hiểm thất nghiệp	-	49.823.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	58.005.100	36.345.100
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	637.399.917	527.901.966
Cộng	747.292.534	823.593.009

b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.441.436.198</i>	<i>4.266.424.508</i>
Nhận ký quỹ, ký cược của các Mậu Dịch Viên	3.441.436.198	4.266.424.508
Cộng	3.441.436.198	4.266.424.508

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</i>	-	-	<i>4.620.000.000</i>	<i>4.620.000.000</i>
Công ty TNHH Phát triển và Đầu tư Phúc Thịnh	-	-	4.500.000.000	4.500.000.000
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	-	-	<i>60.000.000</i>	<i>60.000.000</i>
Vay cá nhân ngắn hạn tại chi nhánh Nam Đàn	-	-	60.000.000	60.000.000
Cộng	-	-	4.560.000.000	4.560.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	4.500.000.000	-	(4.500.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	60.000.000	-	(60.000.000)	-
Cộng	4.560.000.000	-	(4.560.000.000)	-

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay vốn nhà nước dự trữ thuốc phòng chống thiên tai (*)</i>	<i>281.000.000</i>	<i>281.000.000</i>	<i>281.000.000</i>	<i>281.000.000</i>
<i>Vay tại văn phòng</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Vay tại Chi nhánh Dược phẩm huyện Con Cuông</i>	<i>85.000.000</i>	<i>85.000.000</i>	<i>85.000.000</i>	<i>85.000.000</i>
<i>Vay tại Chi nhánh Dược phẩm huyện Quỳnh Châu</i>	<i>96.000.000</i>	<i>96.000.000</i>	<i>96.000.000</i>	<i>96.000.000</i>
Cộng	281.000.000	281.000.000	281.000.000	281.000.000

(*) Là khoản vay từ nguồn dự trữ miền núi và dự án dự trữ thuốc phòng chống thiên tai.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn các tổ chức khác	281.000.000	-	-	281.000.000
Cộng	281.000.000	-	-	281.000.000

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.925.165	-	(2.300.000)	625.165
Quỹ phúc lợi	12.684.943	241.857.061	(253.383.712)	1.158.292
Cộng	15.610.108	241.857.061	(255.683.712)	1.783.457

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	60.000.000.000	423.999.999	16.285.383.967	13.778.965.626	90.488.349.592
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	2.418.570.605	2.418.570.605
Trích lập các quỹ	-	-	1.530.046.136	(2.142.064.590)	(612.018.454)
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	423.999.999	17.815.430.103	14.055.471.641	92.294.901.743
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	423.999.999	17.815.430.103	14.055.471.641	92.294.901.743
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	2.345.910.887	2.345.910.887
Trích lập các quỹ (*)	-	-	604.642.651	(846.499.712)	(241.857.061)
Chia cổ tức, lợi nhuận (*)	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	60.000.000.000	423.999.999	18.420.072.754	9.554.882.816	88.398.955.569

(*) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 23/04/2024 đã biểu quyết thông qua việc trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2023, cụ thể như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%LNST): 241.857.061 VND
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (25%LNST): 604.642.651 VND
- Chi trả cổ tức (10% vốn điều lệ): 6.000.000.000 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Ngân Anh	-	0,00%	27.069.550.000	45,12%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính và Thương Mại Phúc Khang	11.857.050.000	19,76%	11.857.050.000	19,76%
Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Hồng Ngân	13.069.550.000	21,78%	-	0,00%
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	14.000.000.000	23,33%	-	0,00%
Công ty TNHH Thung Lũng Vua	14.971.900.000	24,95%	14.971.900.000	24,95%
Các Cổ đông khác	6.101.500.000	10,17%	6.101.500.000	10,17%
Cộng	60.000.000.000	100,00%	60.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**c) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán
Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.700	2.700

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	169.317.308.224	193.570.475.314
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.240.416.930	2.679.102.498
Cộng	172.557.725.154	196.249.577.812

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm giá hàng bán	-	262.541.911
Hàng bán bị trả lại	422.934.928	574.175.049
Cộng	422.934.928	836.716.960

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	124.565.529.600	146.799.706.811
Chi phí sản xuất chung vượt mức định mức	6.312.760.015	6.936.767.925
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	119.706.787	(420.828.367)
Cộng	130.997.996.402	153.315.646.369

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	214.328.402	679.477.865
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	55.968.250
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.188.700	2.592.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	143.087.666	297.243.918
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	195.110.681
Cộng	360.604.768	1.230.392.714

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	27.184.932	4.320.000
Lãi phải trả về ký quỹ của các Mậu Dịch Viên	31.645.882	28.522.900
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	101.209.864	2.557.000
Chi phí tài chính khác	3.499.680	9.865.971
Cộng	163.540.358	45.265.871

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.476.452.807	20.819.160.570
Chi phí vật liệu, bao bì	8.490.816	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	60.486.840	12.391.037
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.315.808	85.810.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.344.442.940	201.482.279
Các chi phí khác	2.489.695.867	1.637.433.669
Cộng	20.543.885.078	22.756.278.317

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.381.027.671	12.284.310.068
Chi phí vật liệu quản lý	56.510.371	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	444.882.399	659.743.277
Chi phí khấu hao tài sản cố định	378.970.679	553.736.089
Thuế, phí và lệ phí	1.910.247.149	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	235.004.822	155.495.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.451.186.245	2.209.130.413
Các chi phí khác	1.576.522.489	1.427.282.577
Cộng	17.434.351.825	17.289.698.212

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	68.006.049	-
Thu nhập khác	126.692.451	24.620.335
Cộng	194.698.500	24.620.335

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt, nộp bổ sung thuế	318.641.541	35.121.974
Chi phí khác	11.536.398	149.870.680
Cộng	330.177.939	184.992.654

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.220.141.892	3.075.992.478
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	488.478.077	211.116.885
- Các khoản điều chỉnh tăng	491.666.777	213.708.885
<i>Thù lao HĐQT không tham gia điều hành</i>	<i>168.000.000</i>	<i>178.355.556</i>
<i>Các khoản phạt nộp phạt, chậm nộp thuế</i>	<i>318.641.541</i>	<i>35.353.329</i>
<i>Các khoản chi phí không được trừ khác</i>	<i>5.025.236</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.188.700)	(2.592.000)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ</i>	<i>(3.188.700)</i>	<i>(2.592.000)</i>
Thu nhập chịu thuế	3.708.619.969	3.287.109.363
Thu nhập tính thuế	3.708.619.969	3.287.109.363
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	741.723.994	657.421.873
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	132.507.011	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	874.231.005	657.421.873

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.345.910.887	2.418.570.605
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(234.591.089)	(241.857.061)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(234.591.089)	(241.857.061)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.111.319.798	2.176.713.544
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	351,89	362,79

(*) Tạm tính theo tỷ lệ 10% Lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 23/04/2024

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.715.478.449	45.960.566.232
Chi phí nhân công	32.942.967.713	40.189.511.483
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.452.066.769	1.723.160.580
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	235.004.822	155.495.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.244.481.963	8.059.599.503
Chi phí khác	6.353.092.612	6.188.472.611
Cộng	118.943.092.328	102.276.806.197

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Lang Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	531.206.400	485.691.000
Ông Nguyễn Công Quế	Giám đốc	660.440.000	631.438.500
Ông Trần Công Vinh	Phó Giám đốc	525.921.800	490.560.000
Bà Lê Thị Thúy Hồng	Kế toán trưởng	77.582.360	191.810.667

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay	-	281.000.000	-	281.000.000
Phải trả người bán	28.825.228.011	-	-	28.825.228.011
Các khoản phải trả khác	3.323.242.939	3.441.436.198	-	6.764.679.137
Cộng	32.148.470.950	3.722.436.198	-	35.870.907.148
Số đầu năm				
Vay	4.560.000.000	281.000.000	-	4.841.000.000
Phải trả người bán	29.273.760.438	-	-	29.273.760.438
Các khoản phải trả khác	4.664.469.280	4.266.424.508	-	8.930.893.788
Cộng	38.498.229.718	4.547.424.508	-	43.045.654.226

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.177.682.808	12.668.424.826	12.177.682.808	12.668.424.826
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.660.000.000		2.660.000.000
Phải thu khách hàng	30.326.351.826	31.651.809.087	30.326.351.826	31.651.809.087
Các khoản phải thu khác	1.105.473.216	975.843.688	1.105.473.216	975.843.688
Cộng	43.609.507.850	47.956.077.601	43.609.507.850	47.956.077.601
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	281.000.000	4.841.000.000	281.000.000	4.841.000.000
Phải trả người bán	28.825.228.011	29.273.760.438	28.825.228.011	29.273.760.438
Các khoản phải trả khác	6.764.679.137	8.930.893.788	6.764.679.137	8.930.893.788
Cộng	35.870.907.148	43.045.654.226	35.870.907.148	43.045.654.226

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.



5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("AISC").

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Thảo

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Hiền

Lập ngày 27 tháng 03 năm 2025

Phó Giám đốc phụ trách



Trần Công Vinh